

QUAN HỆ MỸ - ASEAN SAU CHIẾN TRANH LẠNH (1991-2001)

Th.S. Nguyễn Huy Phương

Trong chiến lược của mình, Mỹ luôn coi Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng là khu vực có lợi ích trên tất cả các mặt an ninh, chính trị, kinh tế,... gắn liền với Mỹ. Vì vậy, từ lâu Mỹ luôn tìm cách đặt quan hệ và gây ảnh hưởng ở khu vực này.

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Mỹ và ASEAN luôn có quan hệ gắn bó với nhau trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, cuối thập niên 70 đến thập niên 80 của thế kỉ XX, mối quan hệ này đã có sự thay đổi theo hướng ASEAN ngày càng tỏ ra độc lập, tự chủ. Thực tế cho thấy, quan hệ Mỹ - ASEAN trong thời kỳ này tác động rất lớn đến sự phát triển của các nước thành viên ASEAN và cả đối với Mỹ. Nó đặt cơ sở khá vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường mối quan hệ giữa hai phía trong thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, khi tình hình thế giới có nhiều thay đổi to lớn.

Bài viết này sẽ góp phần làm rõ những điều chỉnh chiến lược của Mỹ và ASEAN, trình bày khái quát quan hệ Mỹ - ASEAN trên các phương diện an ninh, chính trị, kinh tế từ 1991 đến 2001; đồng thời tóm lược những kết quả của mối quan hệ đó đối với cả hai phía (Mỹ và ASEAN) và rút ra một vài kinh nghiệm lịch sử đối với Việt Nam.

1. Sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ và ASEAN sau Chiến tranh Lạnh

Sau Chiến tranh Lạnh, những biến động lớn trên trường quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ Mỹ - ASEAN. Cả Mỹ và ASEAN đều phải điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp với tình hình mới. Điều đó đã làm thay đổi phần nào tính chất của quan hệ Mỹ - ASEAN: từ quan hệ đồng minh sang quan hệ bạn bè đối tác.

Sau Chiến tranh Lạnh, ASEAN không còn đóng vai trò quan trọng về chiến lược như trước nữa, song vẫn là một nhân tố không thể thiếu trong chiến lược toàn cầu và chiến lược châu Á - Thái Bình dương của Mỹ. Bởi vì, ASEAN đã mở rộng bao gồm 10 nước Đông Nam Á, với tốc độ tăng trưởng cao và ổn định vào loại bậc nhất thế giới, một thị trường rộng lớn với hơn 500 triệu dân, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn lao động dồi dào và lành nghề, có nhu cầu rất lớn về vốn, kỹ thuật công nghệ và thị trường... Hơn nữa, vị thế kinh tế - chính trị của ASEAN ngày càng gia tăng trên trường quốc tế. ASEAN thực sự là một khu vực có nhiều tiềm năng mà Mỹ có thể khai thác để phục vụ cho những lợi ích lâu dài của mình. Vì vậy, Mỹ thấy cần phải tăng cường hơn nữa quan hệ với tổ chức này. Để thực hiện điều đó, Mỹ đồng thời kết hợp hai biện pháp:

Thứ nhất, Mỹ duy trì mối quan hệ ngày càng có hiệu quả với ASEAN, ủng hộ và tích cực tham gia đối thoại an ninh trong Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF).

Thứ hai, tiếp tục theo đuổi những sáng kiến trong quan hệ song phương với từng nước ASEAN để thúc đẩy nền dân chủ, nhân quyền và ổn định chính trị, giúp đỡ đẩy mạnh những cải cách kinh tế theo hướng thị trường tự do tư bản chủ nghĩa.

Do tác động bởi sự thay đổi của tình hình quốc tế và khu vực, các nước ASEAN cũng đã điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại của mình. Để đối phó với những thách thức về an ninh chính trị, ASEAN đã tăng cường liên kết nội bộ và mở rộng hợp tác khu vực, mở rộng ASEAN ra toàn khu vực Đông Nam Á; đồng thời ASEAN đưa ra sáng kiến thành lập ARF, xúc tiến việc xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do và trung lập... Thông qua sức mạnh tập thể, ASEAN đã tạo được thế cân bằng trong quan hệ với các cường quốc và luôn coi Mỹ là một đối tác quan trọng. Đối phó với thách thức về kinh tế, ASEAN đã tiến hành xây dựng Khu vực Tự do Thương mại (AFTA). Qua đó tăng cường hợp tác kinh tế khu vực, biến ASEAN thành thị trường thống nhất, năng động, đầy tiềm năng để có thể cạnh tranh với những thị trường lớn đang phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Âu... ASEAN cũng tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế với các nước tư bản phát triển nhằm tranh thủ nguồn vốn, kỹ thuật công nghệ và thị trường để phát triển nền kinh tế của các quốc gia thành viên. Trong đó, với tiềm năng to lớn về kinh tế, Mỹ luôn được ASEAN coi là một trong những đối tác quan trọng nhất, cùng với Nhật Bản, EU và các nước công nghiệp mới (NICs) Đông Á.

Như vậy, sau Chiến tranh Lạnh, do có nhu cầu tăng cường quan hệ vốn có trước đây, nên quan hệ Mỹ - ASEAN

không ngừng được nâng lên. Song, do tác động của tình hình quốc tế và khu vực, cũng như sự thay đổi mục tiêu của cả hai phía, nên mối quan hệ này ngày càng trở nên cân bằng hơn, mang tính phụ thuộc lẫn nhau hơn.

2. Quan hệ Mỹ-ASEAN (1991-2001)

2.1. An ninh - chính trị

Mỹ và ASEAN "gặp nhau" trong chính sách an ninh ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình dương. Ngày 15/5/1993, Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ W. Lord sau khi thảo luận với các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN tại Brunei, đã ra thông báo nêu rõ: "Mỹ tuyên bố sẽ đặt an ninh của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình dương trên cơ sở liên minh các quan hệ song phương. Mỹ cũng tuyên bố sẽ liên kết chặt chẽ hơn nữa với các nước ASEAN để đảm bảo ổn định chính trị và an ninh khu vực"¹. Tuy vậy, như ông Cheney - cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - đã từng tuyên bố vào tháng 11/1991 rằng: "Nước Mỹ có lẽ không cần đến những căn cứ vĩnh viễn có cấu tạo hạ tầng nặng nề. Nước Mỹ cần bàn về quy định cho Mỹ sử dụng các công trình phục vụ cho các cuộc xung đột thấp với chi phí thấp"². Còn ASEAN, lo sợ sự tăng cường quân sự và ảnh hưởng của Trung Quốc, Nhật Bản và phần nào là Ấn Độ sẽ làm cho an ninh khu vực mất ổn định, nên mong muốn Mỹ duy trì quân sự ở đây. Song, như Ngoại trưởng Indonesia đã nói vào ngày 2/11/1994 rằng: "Cần có Mỹ ở châu Á như một nhân tố cân bằng, nhưng sự hiện diện của họ không phải dưới hình thức căn cứ quân sự"³.

Vì vậy, quan hệ an ninh Mỹ - ASEAN trong thời kỳ này được thể hiện chủ yếu bằng các cam kết song

phương và đa phương. Chẳng hạn, một số nước ASEAN như Indonesia, Thái Lan, Philippines, Singapore,... từ những năm đầu thập niên 1990 đã cho phép các tàu hải quân Mỹ ghé vào cảng của các nước này để sửa chữa, cũng như đồng ý để Mỹ sử dụng các căn cứ quân sự khi cần thiết; Mỹ và một số nước ASEAN đã tổ chức các cuộc tập trận chung theo định kỳ; Mỹ cũng đã tham gia một cách tích cực vào ARF từ khi diễn đàn này được thành lập; hay Mỹ đã đóng vai trò quan trọng trong tiến trình lập lại hoà bình ở Cambodia... Song, trong thời kỳ này, không thấy có một thoả thuận nào cho phép quân đội Mỹ đóng ở các căn cứ quân sự trên lãnh thổ các nước ASEAN, thậm chí ngay cả việc Mỹ muốn lập một kho vũ khí chiến lược ở khu vực Đông Nam Á cũng bị các nước ASEAN cực lực phản đối.

Trong quan hệ chính trị, giữa Mỹ và ASEAN không có sự thống nhất với nhau về một số vấn đề cơ bản. Mỹ coi chính trị là một trong những yếu tố không thể thiếu trong chiến lược toàn cầu của mình. Mỹ muốn lấy nhân quyền theo kiểu Mỹ để áp đặt cho các nước ASEAN, gắn quan hệ an ninh, kinh tế với mở rộng dân chủ và nhân quyền trong quan hệ với các nước ASEAN. Mỹ mong muốn thông qua đó để tăng cường ảnh hưởng, cũng như củng cố địa vị của Mỹ ở khu vực này. Trong khi đó, các nước ASEAN lại không sẵn sàng chấp nhận sự áp đặt của Mỹ về chính trị, mà luôn giữ lập trường không can thiệp vào công việc nội bộ các nước thành viên và luôn tuân thủ nguyên tắc đồng thuận trong các hoạt động của mình. Họ đã nhiều lần lên tiếng phản đối sự áp đặt của Mỹ về chính trị đối với các nước khác, như phản đối Mỹ đã gắn vấn đề nhân quyền với việc hưởng quy chế tối

huệ quốc trong buôn bán với Trung Quốc, Việt Nam; hay việc ASEAN đã bất chấp sự phản đối của Mỹ để kết nạp Myanmar vào Hiệp hội (23/7/1997).

2.2. Kinh tế

Sau Chiến tranh Lạnh, phát triển kinh tế đã trở thành ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại của tất cả các nước trên thế giới, Mỹ và các nước ASEAN cũng không là ngoại lệ.

Mỹ coi kinh tế là một trong ba trụ cột chính, là ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại của mình. Vì vậy, Mỹ xem việc duy trì và tăng cường các mối quan hệ kinh tế ngày càng có hiệu quả với ASEAN là một định hướng ưu tiên. Các nước ASEAN cũng luôn coi quan hệ kinh tế với Mỹ là một trong những ưu tiên hàng đầu. Bởi vì thông qua quan hệ, ASEAN có thể khai thác những tiềm năng to lớn của nền kinh tế Mỹ.

a) Quan hệ thương mại

Cả Mỹ và ASEAN đều chú trọng đến việc mở rộng buôn bán hai chiều. Tốc độ tăng trưởng trong buôn bán hai chiều giữa Mỹ - ASEAN và ASEAN - Mỹ bình quân hàng năm là hơn 20% đối với Mỹ và hơn 25% đối với ASEAN; hàng hoá Mỹ xuất khẩu sang ASEAN năm 1997 đạt 48,327 tỷ USD, tăng 155% so với năm 1990; hàng hoá ASEAN xuất khẩu sang Mỹ năm 1997 đạt 70,733 tỷ USD, tăng 160% so với năm 1990⁴. Mỹ luôn là bạn hàng lớn thứ nhất đến thứ ba của ASEAN, còn ASEAN từ năm 1996 đã trở thành bạn hàng lớn thứ tư của Mỹ.

Cùng với việc gia tăng buôn bán hai chiều, cơ cấu hàng hoá trong buôn bán giữa Mỹ và ASEAN cũng có sự thay đổi. Tỷ trọng hàng chế tạo trong hàng hoá của các nước ASEAN xuất khẩu sang Mỹ không ngừng được

nâng lên. Nếu năm 1990, hàng chế tạo của các nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan chiếm lần lượt 47%, 61%, 73%, 78% và 67% trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu sang Mỹ, thì năm 1995 tỷ lệ đó lần lượt là : 62%, 69%, 75%, 77% và 73%⁵.

b) Quan hệ đầu tư

Quan hệ đầu tư Mỹ - ASEAN hầu như mang tính chất một chiều. Với tiềm lực kinh tế to lớn của mình, Mỹ đóng vai trò là một trong bốn nhà đầu tư lớn cho ASEAN, cùng với Nhật Bản, EU và NICs. Các nước ASEAN (trừ Singapore) đều là những nước đang phát triển, có nhu cầu rất lớn về vốn, kỹ thuật công nghệ và thị trường, bên cạnh đó các nước ASEAN còn triển khai những chính sách khuyến khích, ưu đãi cho các nhà đầu tư. Điều đó đã thúc đẩy đầu tư của Mỹ vào các nước ASEAN ngày càng tăng lên, năm 1996 đạt 35,601 tỷ USD, tăng 201% so với năm 1990. Tuy nhiên, đầu tư của Mỹ vào từng nước ASEAN được phân bổ không đều. Mỹ chú trọng đầu tư vào các nước có nền kinh tế phát triển cao. Như Singapore, tuy là một trong những nước có chi phí kinh doanh cao nhất thế giới, vẫn luôn là nước chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số vốn đầu tư của Mỹ vào ASEAN, năm 1990 là 481 triệu USD, chiếm 25,9%; thì năm 2000 là 2,690 tỷ USD, chiếm 57%. Trong khi đó, Philippines chỉ chiếm tỷ lệ đầu tư nhỏ của Mỹ vào ASEAN: năm 1990 là 177 triệu USD, chiếm 6,1%; năm 2000 là 49 triệu USD, chiếm 1%⁶. Mỹ cũng chỉ chú trọng đầu tư vào các ngành có thế mạnh như: khai thác và chế biến dầu mỏ, chiếm 90% vốn đầu tư của Mỹ vào Indonesia, còn ở Thái Lan, Malaysia, Philippines là 60%⁷.

c) Quan hệ viện trợ

Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ cho các nước ASEAN, song có xu hướng ngày càng giảm. Mỹ cho rằng, các nước ASEAN, với sự phát triển kinh tế nhanh và ổn định trong những năm gần đây, đã có nền kinh tế đủ mạnh, còn Mỹ lại đang phải đối phó với những khó khăn trong nước do nền kinh tế đang bị suy giảm sau Chiến tranh Lạnh. Vì thế, Mỹ cắt giảm viện trợ cho các nước ASEAN. Tuy vậy, ASEAN vẫn là khu vực nhận được viện trợ của Mỹ nhiều nhất ở châu Á. Điều này do chính sách viện trợ của Mỹ đã thay đổi, mục đích viện trợ của Mỹ ngày nay là để phục vụ cho thương mại và đầu tư, mà ASEAN là một trong những hướng ưu tiên trong chính sách kinh tế đối ngoại của Mỹ. Trong thời kỳ này, Mỹ cũng đã giảm viện trợ kinh tế song phương và tăng cường viện trợ kinh tế đa phương, thông qua các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB),... nơi mà Mỹ có cổ phần lớn và có thể chi phối các hoạt động. Sự can thiệp của Mỹ đối với cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á (1997-1998) đã cho thấy điều đó. Năm 1997, Quốc hội Mỹ đã phê chuẩn việc cấp 18 tỷ USD, bổ sung cho IMF để viện trợ cho các nước bị khủng hoảng ở ASEAN.

3. Tác động của quan hệ Mỹ - ASEAN đối với Mỹ và ASEAN

Trên cơ sở phân tích quan hệ Mỹ - ASEAN trên nhiều phương diện như trên, có thể thấy rằng mối quan hệ này được xác lập và phát triển xuất phát từ nhu cầu của cả hai phía. Cả Mỹ và ASEAN đều xem mối quan hệ này là một trong những mối quan hệ đối ngoại quan trọng góp phần phát

triển đất nước, bảo đảm an ninh quốc gia và hoà bình, ổn định khu vực. Mối quan hệ này có tác động lớn đến các bên liên quan.

Đối với Mỹ, ASEAN không những là khu vực mà Mỹ có thể lợi dụng để phát huy ảnh hưởng, củng cố địa vị của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình dương, mà còn là khu vực kinh tế năng động mà Mỹ có thể khai thác thông qua viện trợ kinh tế, đầu tư và thương mại để khôi phục và phát triển nền kinh tế Mỹ, vốn đã có phần sa sút sau Chiến tranh Lạnh. Trên thực tế, mối quan hệ này đã có tác động tích cực đối với Mỹ. Thông qua quan hệ an ninh chính trị song phương và đa phương với ASEAN, Mỹ đã đạt được phần nào mục đích kiềm chế sự nổi lên của một đối thủ ở khu vực có thể thách thức, đe dọa địa vị của Mỹ ở châu Á - Thái Bình dương; tạo được thế cân bằng và hoà bình, ổn định cần thiết để Mỹ tập trung khôi phục sức mạnh tổng hợp quốc gia. Nhìn chung, địa vị an ninh chính trị của Mỹ ở khu vực vẫn được duy trì. Các quan hệ kinh tế với ASEAN cũng đem lại cho Mỹ những lợi ích không nhỏ. Lượng hàng hoá xuất khẩu của Mỹ vào ASEAN tăng lên nhanh chóng sau Chiến tranh Lạnh, năm 1997 đạt 48,327 tỷ USD, bằng cả Trung Quốc, Đài Loan và Hongkong cộng lại, tăng hơn so với năm 1990 - 155%, tạo ra khoảng 700 nghìn việc làm cho người Mỹ⁸. Đầu tư vào ASEAN cũng mang lại nguồn thu nhập lớn cho Mỹ, đồng thời qua đó làm tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá Mỹ trên thị trường thế giới, thúc đẩy tự do hoá thương mại của ASEAN... Những lợi ích đó đã góp phần không nhỏ vào việc khôi phục nền kinh tế của Mỹ.

Đối với ASEAN, Mỹ là một trong những nước có khả năng tạo thế cân

bằng để duy trì nền hoà bình, ổn định về an ninh chính trị ở khu vực, đồng thời là nước có khả năng đáp ứng nhu cầu to lớn về vốn, kỹ thuật công nghệ và thị trường cho các nước ASEAN. Vì vậy, ASEAN luôn coi quan hệ với Mỹ là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình. Quan hệ Mỹ - ASEAN sau Chiến tranh Lạnh hầu như đã đáp ứng được những mục tiêu mà ASEAN đề ra. Về an ninh chính trị, thông qua quan hệ với Mỹ, ASEAN đã phát huy được vai trò và ảnh hưởng của mình; ASEAN đã cân bằng được quan hệ với các cường quốc khác trong khu vực châu Á - Thái Bình dương, nhờ đó mà an ninh khu vực được duy trì ổn định, đồng thời địa vị của ASEAN trên trường quốc tế cũng không ngừng được nâng lên, trở thành một bên đối thoại không thể thiếu trong các vấn đề an ninh chính trị ở châu Á - Thái Bình dương. Về kinh tế, nhờ mở rộng quan hệ với Nhật Bản, EU, NICs Đông Á, đặc biệt là với Mỹ, nền kinh tế các nước ASEAN đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước ASEAN bình quân hàng năm luôn đạt mức trên 7% (trừ thời gian bị khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997). Tỷ lệ % của các nước ASEAN (chỉ tính riêng 5 nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) trong nền kinh tế thế giới không ngừng tăng lên trong khoảng thời gian từ 1990 đến 2000: GDP tăng từ 4,1% năm 1990 lên 8% năm 2000, tức tăng gần 100%; đầu tư ra toàn thế giới tăng từ 5,7% năm 1990 lên 8,4% năm 2000, tức tăng lên hơn 47,3%; GDP/đầu người tăng từ 4090 USD năm 1990 lên 9643 USD năm 2000, tức tăng lên hơn 135,7%⁹.

Có thể coi những lợi ích mà Mỹ và ASEAN thu được từ mối quan hệ Mỹ - ASEAN trong khoảng 10 năm sau Chiến tranh Lạnh (1991-2001) là cơ sở để hai bên thắt chặt quan hệ hơn nữa trong thế kỉ XXI. Tuy nhiên, những biến động bất thường của tình hình thế giới đầu thế kỉ XXI, đặc biệt là từ sau sự kiện nước Mỹ bị tấn công khủng bố (11/9/2001), đã đặt quan hệ Mỹ - ASEAN trước những cơ hội và thách thức mới mà đòi hỏi cả hai phía cần có những nỗ lực lớn nếu muốn tiếp tục tăng cường mối quan hệ sẵn có.

4. Một vài bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong quan hệ với Mỹ

Đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN (28/7/1995), Việt Nam có trách nhiệm trong việc xây dựng ASEAN thành một cộng đồng phát triển bền vững, đồng thời cũng được chia sẻ những lợi ích từ mối quan hệ Mỹ - ASEAN như những thành viên khác.

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, có xuất phát điểm thấp và có những nhu cầu phát triển kinh tế giống với các nước ASEAN trước kia; đồng thời quan hệ Mỹ - Việt Nam đã được bình thường hoá và đang từng bước được cải thiện, thì những kinh nghiệm lịch sử rút ra từ quan hệ Mỹ - ASEAN là hết sức cần thiết đối với Việt Nam.

Để tránh những hạn chế trong quan hệ với Mỹ, Việt Nam cần có chính sách đối ngoại mềm dẻo và có những điều chỉnh kịp thời khi tình hình quốc tế và khu vực thay đổi. Việt Nam cần phải chú ý đến đặc điểm chính trị - xã hội, trình độ phát triển, mục tiêu kinh tế,... của mình để có chính sách tương ứng. Việt Nam nên và chỉ nên coi Mỹ là một đối tác quan trọng trong quan hệ song phương như những đối tác quan trọng khác như

Trung Quốc, Nhật Bản, EU,... có như vậy mới có thể cân bằng và tận dụng được cơ hội từ các đối tác thông qua quan hệ song phương mà không sợ mất quyền tự chủ.

Việc tranh thủ vốn, kỹ thuật công nghệ, thị trường của các nước tư bản phát triển, trong đó có Mỹ là hết sức cần thiết. Song, Việt Nam cũng cần rút kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ của các nước ASEAN năm 1997, để có chính sách phát triển đất nước hợp lý, sao cho nội lực, tiềm lực quốc gia, tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế được phát huy tối đa.

Cần tăng cường hợp tác trong nội bộ ASEAN để tổ chức này ngày càng thống nhất, qua đó có thể sử dụng tiếng nói chung của lực lượng tập thể để duy trì, củng cố nền độc lập dân tộc, tạo môi trường hoà bình, ổn định ở khu vực để dồn sức lực cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. ■

Chú thích:

- (1) Đào Huy Ngọc (cb) - Nguyễn Phương Bình - Nguyễn Anh Tuấn, ASEAN và sự hội nhập của Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 190.
- (2) Viện Nghiên cứu Bảo vệ Hoà bình và An ninh Nhật Bản, Về vấn đề an ninh ở khu vực Đông Nam Á, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 35.
- (3) Đào Huy Ngọc (cb) - Nguyễn Phương Bình - Nguyễn Anh Tuấn, sđd..., tr. 193.
- (4) Lê Khương Thủy, Chính sách của Mỹ đối với ASEAN (1967-1995), Luận án Tiến sĩ Trường ĐHKHXH và NV, Hà Nội, 2001, phụ lục 14-15.
- (5) Lê Văn Sang - Lê Kim Sa, "Tình hình kinh tế Mỹ và tác động tới khu vực châu Á - Thái Bình dương", T/c Nghiên cứu Quốc tế, số 2/2001, tr. 36 - 42.
- (6) World Bank, World Development Report, các năm 1993, 1996 và 2000.
- (7) Lưu Ngọc Trinh - Nguyễn Duy Lợi, "Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN những năm gần đây", T/c Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, số 17 (1997), tr. 26-32.
- (8) Đinh Quý Độ, Chính sách kinh tế của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình dương kể từ sau Chiến tranh Lạnh, Nxb KHXH, Hà Nội, 2000, tr. 243.
- (9) Lê Bộ Lĩnh, "Khu vực kinh tế đang phát triển năng động nhất của nền kinh tế thế giới", Hội thảo quốc tế: ASEAN hôm nay và ngày mai, tập 1, Hà Nội, 1997, tr. 65.